

Chương 1: TÂM LÝ HỌC LÀ MỘT KHOA HỌC

I. ĐỐI TƯỢNG, NHIỆM VỤ, VỊ TRÍ, Ý NGHĨA CỦA TÂM LÝ HỌC:

1. Tâm lý và tâm lý học:

Tâm lý bao gồm tất cả những hiện tượng tinh thần xảy ra trong đầu óc con người, gắn liền và điều hành, điều chỉnh mọi hành vi, hành động, hoạt động của con người.

Khoa học nghiên cứu về các hiện tượng tâm lý của con người gọi là tâm lý học.

2. Đối tượng nghiên cứu của tâm lý học:

Đối tượng của tâm lý học là các hiện tượng tâm lý với tư cách là một hiện tượng tinh thần do thế giới khách quan tác động vào não con người sinh ra, gọi chung là các hoạt động tâm lý.

Tâm lý học nghiên cứu sự hình thành, vận hành và phát triển của hoạt động tâm lý.

3. Nhiệm vụ của tâm lý học:

+ Nghiên cứu bản chất của hoạt động tâm lý cả về mặt số lượng và chất lượng. Chẳng hạn, chất lượng tri giác của con người phụ thuộc vào độ chiếu sáng như thế nào, thời gian ghi nhớ một bài học.

+ Phát hiện các quy luật hình thành, phát triển tâm lý như quy luật hình thành và phát triển nhân cách, quy luật tư duy.

+ Tìm ra cơ chế của các hiện tượng tâm lý.

4. Vị trí, ý nghĩa của tâm lý học:

a) Vị trí:

- Tâm lý học có quan hệ chặt chẽ với Triết học.
- Tâm lý học có quan hệ chặt chẽ với các ngành khoa học tự nhiên.
- Tâm lý học có gắn bó hữu cơ với các khoa học xã hội và nhân văn.

b) Ý nghĩa:

- Góp phần đấu tranh chống lại các quan điểm phản khoa học về tâm lý con người.

- Phục vụ trực tiếp cho sự nghiệp giáo dục.

- Giải thích một cách khoa học các hiện tượng tâm lý của con người.

- Có ý nghĩa thực tiễn đối với nhiều lĩnh vực của đời sống.

II. BẢN CHẤT, CHỨC NĂNG, PHÂN LOẠI CÁC HIỆN TƯỢNG TÂM LÝ:

1. Bản chất của tâm lý

Chủ nghĩa duy vật biện chứng khẳng định rằng: tâm lí người là sự phản ánh hiện thực khách quan vào não người thông qua chủ thể, tâm lí người mang bản chất xã hội và có tính lịch sử.

a) Sự phản ánh hiện thực khách quan vào não người thông qua chủ thể.

- TL người là sự phản ánh hiện thực khách quan vào não con người thông qua “lăng kính chủ quan”.

Phản ánh là thuộc tính chung của mọi sự vật, hiện tượng đang vận động.

Phản ánh là sự tác động qua lại giữa các loại vật chất, kết quả là để lại dấu vết (hình ảnh) tác động ở cả hai hệ thống tác động và chịu sự tác động.

VD: nước chảy, đá mòn; viên phấn viết lên bảng đen để lại vết phấn trên bảng và ngược lại bảng làm mòn viên phấn, để lại vết trên viên phấn (phản ánh cơ học); cây cối hướng về ánh sáng ...

Phản ánh diễn ra từ đơn giản đến phức tạp và có sự chuyển hoá lẫn nhau: từ phản ánh cơ, lí, hoá đến phản ánh sinh vật và phản ánh XH, trong đó có phản ánh tâm lí.

Phản ánh tâm lí là một phản ánh đặc biệt:

+ Đó là sự tác động của hiện thực khách quan vào hệ thần kinh, vào não bộ con người – tổ chức cao nhất của vật chất.

+ Phản ánh tâm lí tạo ra “hình ảnh tâm lí” (bản sao chép) về thế giới. Hình ảnh tâm lí là kết quả của quá trình phản ánh TG khách quan vào não bộ. Song hình ảnh tâm lí khác về chất so với các hình ảnh cơ lí hoá sinh vật ở chỗ:

* *Hình ảnh tâm lí mang tính sinh động và sáng tạo.* VD: hình ảnh TL về một cuốn sách trong đầu một người biết chữ khác xa về chất với hình ảnh vật lí vật chất ở trong gương là hình ảnh “chết cứng”.

* *Hình ảnh TL mang tính chủ thể*, chịu ảnh hưởng của chủ thể và phụ thuộc vào chủ thể. Nghĩa là con người phản ánh TG bằng hình ảnh tâm lí thông qua “lăng kính chủ quan” của mình. Tính chủ thể này thể hiện ở chỗ:

· Cùng nhận sự tác động của TG về cùng một hiện thực KQ nhưng những chủ thể khác nhau cho ta những hình ảnh TL với những mức độ và sắc thái khác nhau.

· Cũng có khi cùng một hiện thực KQ tác động đến một chủ thể duy nhất nhưng vào thời điểm khác nhau, hoàn cảnh khác nhau, với trạng thái cơ thể, tinh thần khác nhau sẽ cho ta thấy mức độ biểu hiện và các sắc thái TL khác nhau ở chủ thể ấy.

Kết luận thực tiễn:

+ TL có nguồn gốc là TGKQ, vì thế khi nghiên cứu cũng như khi hình thành, cải tạo TL người phải nghiên cứu hoàn cảnh trong đó con người sống và hoạt động.

+ TL người mang tính chủ thể, vì thế trong dạy học giáo dục cũng như trong quan hệ ứng xử phải chú ý nguyên tắc sát đối tượng, chú ý đến cái riêng trong TL mỗi người.

+ TL là sản phẩm của hoạt động và giao tiếp, vì thế phải tổ chức hoạt động và các quan hệ giao tiếp để nghiên cứu hình thành và phát triển tâm lí người.

b) Bản chất xã hội – lịch sử của TL người

TL người là sự phản ánh HTKQ, là chức năng của não, là kinh nghiệm XH lịch sử biến thành cái riêng của mỗi người. TL con người khác xa với TL của các loài động vật cao cấp ở chỗ: TL người có bản chất XH và mang tính LS.

Bản chất XH và tính LS của TL người thể hiện như sau:

+ TL người có nguồn gốc là TGKQ (TN&XH), trong đó nguồn gốc XH là cái quyết định. Phần XH quyết định TL người thể hiện ở các mối quan hệ XH: quan hệ KTXH, quan hệ đạo đức, pháp quyền, quan hệ con người với con người từ quan hệ gia đình, làng xóm, quê hương, khối phố cho đến các quan hệ nhóm, quan hệ cộng đồng ... Bản chất TL người là sự tổng hoà các mối quan hệ XH đó. Trên thực tế, nếu có người thoát ly khỏi các quan hệ XH, quan hệ con người với nhau thì TL sẽ mất đi bản tính người.

+ TL người là sản phẩm của hoạt động giao tiếp của con người trong các mối quan hệ XH.

+ TL của mỗi cá nhân là kết quả của quá trình lĩnh hội, tiếp thu vốn kinh nghiệm XH, nền VHXX thông qua hoạt động và giao tiếp trong đó giáo dục giữ vai trò chủ đạo, hoạt động của con người và mối quan hệ giao tiếp của con người trong XH có tính quyết định.

+ TL của mỗi con người hình thành phát triển và biến đổi cùng với sự phát triển của lịch sử cá nhân, lịch sử dân tộc và cộng đồng. TL của mỗi con người chịu sự chế ước bởi lịch sử của cá nhân và của cộng đồng.

Kết luận: TL người có nguồn gốc XH, vì thế phải nghiên cứu môi trường XH, nền văn hoá XH, các quan hệ XH trong đó con người sống và hoạt động. Cần phải tổ chức có hiệu quả hoạt động dạy và học trong giáo dục cũng như các hoạt động chủ đạo ở từng giai đoạn, lứa tuổi khác nhau để hình thành, phát triển TL con người.

2. Chức năng của tâm lí

+ Định hướng cho hoạt động, về động cơ, mục đích.

+ Điều khiển, kiểm tra hoạt động bằng chương trình, kế hoạch, phương pháp, phương thức tiến hành.

+ Điều chỉnh hoạt động cho phù hợp với mục tiêu đã xác định, phù hợp với điều kiện và hoàn cảnh thực tế.

3. Phân loại các hiện tượng tâm lý:

a) Các quá trình tâm lý: là những hiện tượng tâm lý diễn ra trong thời gian tương đối ngắn, có mở đầu, diễn biến và kết thúc rõ ràng.

Có 3 loại quá trình tâm lý:

+ Quá trình nhận thức: giúp ta nhận biết sự vật hiện tượng.

+ Quá trình xúc cảm: giúp ta tỏ thái độ với sự vật hiện tượng.

+ Quá trình ý chí: giúp ta nỗ lực cố gắng đạt mục đích đã đề ra.

b) Các trạng thái tâm lý: là những hiện tượng tâm lý diễn ra trong thời gian tương đối dài, việc mở đầu, diễn biến và kết thúc không rõ ràng.

c) Các thuộc tính tâm lý: là những hiện tượng tâm lý mang tính ổn định, khó hình thành, khó mất đi và đặc trưng cho nhân cách.

Ngoài ra, còn một số cách phân loại khác như: Các hiện tượng TL có ý thức và TL mang tính vô thức, TL tiềm tàng và TL sống động, TL cá nhân và TL XH...

III. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU CỦA TÂM LÝ HỌC

1. Phương pháp quan sát:

Quan sát được dùng trong nhiều khoa học, trong đó có tâm lý học. Phương pháp quan sát cho phép chúng ta thu thập được các tài liệu cụ thể, khách quan trong các điều kiện tự nhiên của con người, do đó nó có nhiều ưu điểm. Bên cạnh các ưu điểm nó cũng có những hạn chế sau: mất thời gian, tốn nhiều công sức...

Trong tâm lý học, có thể sử dụng hai hình thức quan sát sau:

+ Quan sát khách quan: là sự tri giác có mục đích, có kế hoạch hoạt động của con người trong những điều kiện bình thường của họ.

+ Tự quan sát: là tự thể nghiệm, tự mô tả diễn biến tâm lý của bản thân.

2. Phương pháp thực nghiệm:

Đây là phương pháp có nhiều hiệu quả trong nghiên cứu tâm lý.

- Thực nghiệm là quá trình tác động vào đối tượng một cách chủ động, trong những điều kiện đã được khống chế, để gây ra ở đối tượng những biểu hiện về quan hệ nhân quả, tính quy luật, cơ cấu, cơ chế của chúng, có thể lặp đi lặp lại nhiều lần và đo đạc, định lượng, định tính một cách khách quan các hiện tượng cần nghiên cứu.

- Người ta thường nói tới hai loại thực nghiệm cơ bản là thực nghiệm trong phòng thí nghiệm và thực nghiệm tự nhiên.

3. Phương pháp trắc nghiệm (Test)

+ Test là một phép thử để "đo lường" tâm lý đã được chuẩn hoá trên một số lượng người đủ tiêu biểu.

+ Ưu điểm:

-Test có khả năng làm cho hiện tượng tâm lý cần đo được trực tiếp bộc lộ qua hành động giải bài tập test.

-Có khả năng tiến hành nhanh, tương đối đơn giản bằng giấy, bút, tranh vẽ...

-Có khả năng lượng hoá, chuẩn hoá chỉ tiêu tâm lý cần đo.

+ Hạn chế:

Khó soạn thảo một bộ test đảm bảo tính chuẩn hoá. Test chủ yếu cho ta kết quả, ít bộc lộ quá trình suy nghĩ của nghiệm thể để đi đến kết quả. Cần sử dụng phương pháp test như là một trong các cách chẩn đoán tâm lý con người ở một thời điểm nhất định.

4. Phương pháp điều tra

Là phương pháp dùng một số câu hỏi nhất loạt đặt ra cho một số lớn đối tượng nghiên cứu nhằm thu thập ý kiến chủ quan của họ về một vấn đề nào đó. Có thể trả lời viết (thường là như vậy), nhưng cũng có thể trả lời miệng và có người ghi lại. Có thể điều tra thăm dò chung hoặc điều tra chuyên đề để đi sâu vào một số khía cạnh...

5. Phương pháp đàm thoại:

Đó là phương pháp đặt câu hỏi cho đối tượng và dựa vào câu trả lời của họ để trao đổi nhằm thu thập thêm thông tin về vấn đề cần nghiên cứu.

6. Phương pháp phân tích sản phẩm hoạt động

Là phương pháp dựa vào kết quả vật chất để nghiên cứu gián tiếp các quá trình, các thuộc tính tâm lý của cá nhân, bởi sản phẩm mang dấu vết của người tạo ra nó.

7. Phương pháp nghiên cứu tiểu sử cá nhân

Là phương pháp nghiên cứu tâm lý dựa trên cơ sở tài liệu lịch sử của đối tượng nghiên cứu.